

Số: 974/GPMT-UBND

Yên Bái, ngày 12 tháng 6 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định 19/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định một số nội dung trong công tác bảo
vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Yên Bái;*

*Xét báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án
xây dựng khu đô thị mới Quỹ đất dọc đường Hồng Hà, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên,
tỉnh Yên Bái số 152/BC-HĐTĐ của Hội đồng thẩm định;*

*Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần đầu tư Homever
tại Văn bản số 13.04/CV ngày 13/4/2023 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường
của Dự án xây dựng khu đô thị mới - Quỹ đất dọc đường Hồng Hà, thị trấn Mậu
A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (không bao gồm khu thương mại dịch vụ) đã được
chỉnh sửa bổ sung tại Văn bản số 22.05/2023/HEV-CV và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái tại
Tờ trình số 231/TTr-STNMT ngày 06 tháng 6 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần đầu tư Homever, địa chỉ tại Tầng 5,
tháp B, toà nhà The Light, đường Tố Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm,
Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án xây dựng khu
đô thị mới - Quỹ đất dọc đường Hồng Hà, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh
Yên Bái (không bao gồm khu thương mại dịch vụ) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án xây dựng khu đô thị mới - Quỹ đất dọc đường Hồng Hà, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

1.3. Loại hình xây dựng: Khu đô thị, quỹ đất dân cư.

1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Diện tích sử dụng đất: 134.742,28 m².

- Quy mô thiết kế:

+ Khu nhà ở liền kề, nhà ở biệt thự: Số lượng 391 căn, trong đó: Xây dựng nhà ở liền kề 374 căn (*xây thô: 153 căn tại các lô đất thuộc vị trí mặt đường Hồng Hà; chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức phân lô bán nền: 221 căn tại các vị trí lô đất thuộc các trục đường nội bộ; phân lô bán nền 221*). Nhà biệt thự số lượng là 17 căn (*trong đó: Xây thô và hoàn thiện mặt ngoài công trình là 03 căn; chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức phân lô bán nền là 14 căn*).

+ Khu thương mại dịch vụ: Xây thô công trình trên 03 lô đất thương mại dịch vụ (*khu thương mại dịch vụ chưa được xây dựng*).

+ Xây dựng hoàn thiện các công trình cây xanh, vườn hoa, cây xanh thể dục thể thao.

+ Diện tích đất xây dựng nhà văn hóa, trường mầm non 1.594,8 m² bàn giao cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sau khi hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với bụi và khí thải quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của đơn vị được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần đầu tư Homever có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu mùi, tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để xem xét, giải quyết theo quy định.

2.5. Chuyển giao công trình và quản lý hành chính:

- Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật, nhà đầu tư sẽ bàn giao toàn bộ cho Nhà nước để quản lý, khai thác và vận hành theo quy định.

- Sau khi hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng toàn bộ Dự án hoặc một phần (nếu có), nhà đầu tư có trách nhiệm tổ chức chuyển giao việc quản lý hành chính cho chính quyền địa phương để giải quyết các thủ tục có liên quan tiếp theo.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký Giấy phép. Giấy phép này được cấp cho Dự án xây dựng khu đô thị mới - Quỹ đất dọc đường Hồng Hà, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (không bao gồm khu thương mại dịch vụ).

Điều 4. Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xây dựng khu đô thị mới - Quỹ đất dọc đường Hồng Hà, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái của Công ty Cổ phần đầu tư Homever hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực (trừ khu thương mại dịch vụ của dự án).

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Văn Yên tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư Homever; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Văn Yên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Trung tâm ĐHTM tỉnh;
- Phó CVP (TH) UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT, NLN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Nguyễn Thế Phước

PHỤ LỤC 01:

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 974/GPMT-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động sinh hoạt của người dân khu vực dự án là 280 m³/ngày đêm, cụ thể:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt sau xử lý khu vực trạm xử lý nước thải số 1, công suất 170 m³/ngày đêm.

+ Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt sau xử lý khu vực trạm xử lý nước thải số 2, công suất 110 m³/ngày đêm.

- Thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu trong nước thải là: Chất rắn lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅, COD), các chất dinh dưỡng: Tổng Nitơ (N), tổng Phốt pho (P) và các vi sinh vật...

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Hồng (đoạn chảy qua thị trấn Mậu A), thuộc hệ thống sông Hồng - Thái Bình tại Tổ dân phố 10, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí 1: Nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải số 1, tại Tổ dân phố 10, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104⁰45', múi chiếu 3⁰) là: X=2419295; Y=493333.

- Vị trí 2: Nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải số 2, tại Tổ dân phố 10, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104⁰45', múi chiếu 3⁰) là: X=2419078; Y=493798.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất

Lưu lượng xả nước thải lớn nhất là 280 m³/ngày đêm, tương đương 11,7 m³/giờ.

a) Phương thức xả nước thải: Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt sau xử lý được xả thải theo phương thức tự chảy theo đường ống nhựa PVC có đường kính DN75 ra nguồn tiếp nhận nước thải là sông Hồng.

b) Chế độ xả nước thải: Chảy gián đoạn.

c) Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sau khi xử lý đạt Quy chuẩn nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, hệ số K = 1,0 với các thông số như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (K=1,0)
1	pH	-	5 - 9
2	BOD ₅	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	100
4	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100 ml	5.000
5	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000
6	Sunfua (<i>tính theo H₂S</i>)	mg/l	4
7	Amoni (<i>tính theo N</i>)	mg/l	10
8	Nitrat (<i>NO₃⁻</i>) (<i>tính theo N</i>)	mg/l	50
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
11	Phosphat (<i>PO₄³⁻</i>) (<i>tính theo P</i>)	mg/l	10

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom và công trình, thiết bị xử nước thải

a) Nước thải sinh hoạt

- Các hộ gia đình cá nhân xây dựng nhà ở có trách nhiệm tự xây dựng công trình xử lý tại chỗ theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom và công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của toàn khu.

- Đầu tư 02 trạm xử lý nước thải, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của các hộ dân khu vực nhà ở, hạ tầng kỹ thuật phía Tây Bắc dự án công suất 170 m³/ngày đêm (*trạm xử lý nước thải số 1*) và khu vực nhà ở, hạ tầng kỹ thuật phía Đông Nam dự án công suất 110 m³/ngày đêm (*trạm xử lý nước thải số 2*). Riêng đối với khu thương mại dịch vụ, chưa thực hiện đầu tư trong giai đoạn này.

- Công trình thu gom nước thải:

+ Tuyến thu gom nước thải số 1: Nước thải từ khu vực nhà ở, hạ tầng kỹ thuật phía Tây Bắc dự án (*Bao gồm các khu: LK-01, LK-02, LK-03, LK-04, LK-05, LK-06, LK-07, LK-08, LK-09, LK-20, LK-21, LK-22, LK-25, LK-26, LK-27, LK-28, LK-29, OHT, BT-01*): Sau khi xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại sẽ được thoát vào hệ thống cống trên các tuyến đường giao thông trong khu vực rồi được thu gom theo tuyến ống nhựa PVC có đường kính DN200- DN250 tổng chiều dài 2.038,7 m, trên

tuyến bố trí 65 hố ga, độ dốc thiết kế là độ dốc tối thiểu được tính bằng $1/D$ về trạm xử lý nước thải số 1.

+ Tuyến thu gom nước thải số 2:

Nước thải từ khu vực nhà ở, hạ tầng kỹ thuật phía Đông Nam dự án (*Bao gồm các khu: LK-10, LK-11, LK-12, LK-13, LK-14, LK-15, LK-16, LK-17, LK-18, LK-19, MG, CC, BT-02*): Sau khi xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại sẽ được thoát vào hệ thống cống trên các tuyến đường giao thông trong khu vực rồi được thu gom theo tuyến ống nhựa PVC có đường kính DN200- DN250 tổng chiều dài 1.210 m, trên tuyến bố trí 40 hố ga, độ dốc thiết kế là độ dốc tối thiểu được tính bằng $1/D$ về trạm xử lý nước thải số 2.

- Công trình thoát nước thải:

+ Nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải số 1 chảy theo ống DN75 chiều dài 7,5 m ra nguồn tiếp nhận nước thải là sông Hồng.

+ Nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải số 2 chảy theo ống DN75 chiều dài 6 mét ra nguồn tiếp nhận nước thải là sông Hồng.

b) Nước mưa chảy tràn

- Lưu vực 1: Nằm phía Tây-Bắc dự án (*từ khu vực khu đất LK-29, LK-23 về phía Bắc dự án*), hướng thoát nước từ đường Hồng Hà ra sông Hồng. Hệ thống thoát nước mưa của dự án sử dụng cống D400-600 có tổng chiều dài 1.589 m, trên tuyến bố trí 60 hố ga (*kích thước trung bình: dài 1,6 m x rộng 1,6 m x sâu 1,5 m*), độ dốc $i_{0,17-0,55\%}$ và tuyến ống thoát nước hiện trạng D1000-1500 dài 90,5 m qua đường Hồng Hà được thu gom chung và tiêu thoát ra sông Hồng tại vị trí 1 cửa xả hiện trạng theo phương thức tự chảy.

- Lưu vực 2: Khu vực trung tâm dự án (*từ khu vực khu đất LK-20, LK-09 về phía khu TMDV 01,02*), hướng thoát nước từ đường Hồng Hà ra sông Hồng. Hệ thống thoát nước mưa của dự án sử dụng cống D400-600 có tổng chiều dài 676 m, trên tuyến bố trí 23 hố ga (*Kích thước trung bình: dài 1,6 m x rộng 1,6 m x sâu 1,5 m*), độ dốc $i_{0,25-0,6\%}$ và tuyến ống thoát nước hiện trạng D1250 dài 101,5 m qua đường Hồng Hà được thu gom chung và tiêu thoát ra sông Hồng tại vị trí 1 cửa xả hiện trạng theo phương thức tự chảy.

- Lưu vực 3: Nằm phía Đông dự án (*từ khu vực khu LK-10, LK-19 về phía Đông dự án*), hướng thoát nước từ đường Hồng Hà ra sông Hồng. Hệ thống thoát nước mưa của dự án được thu gom chung về 2 điểm xả và tiêu thoát ra sông Hồng.

- Điểm xả 3: Hệ thống thoát nước mưa của dự án sử dụng cống D400-800 có tổng chiều dài 1.217 m, trên tuyến bố trí 50 hố ga (*kích thước trung bình: dài 1,6 m x rộng 1,6 m x sâu 1,5 m*), độ dốc $i_{0,13-0,25\%}$ về cống D1000 dài 8,5 m rồi thoát ra sông Hồng theo phương thức tự chảy.

- Điểm xả 4: Hệ thống thoát nước mưa của dự án sử dụng cống D400-800 có tổng chiều dài 236 m, trên tuyến bố trí 10 hố ga (*kích thước trung bình: dài 1,6 m x rộng 1,6 m x sâu 1,5 m*), độ dốc $i_{0,25-0,55\%}$ về cống D600 dài 26 m, chảy đến ống D1000 dài 8,5 m rồi thoát ra sông Hồng theo phương thức tự chảy.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

a) Quy mô, công suất trạm xử lý nước thải

- Trạm số 1: có công suất thiết kế 170 m³/ngày đêm.

- Trạm số 2: có công suất thiết kế: 110 m³/ngày đêm.

b) Hóa chất, vật liệu sử dụng: Bột NaOCl.

c) Thông số kỹ thuật các hạng mục của hệ thống xử lý nước thải

TT	Tên bể	Trạm xử lý nước thải số 1 (170 m ³ /ngày đêm)		Trạm xử lý nước thải số 2 (110 m ³ /ngày đêm)	
		Kích thước (DxRxH) (m)	Thể tích (m ³)	Kích thước (DxRxH) (m)	Thể tích (m ³)
1	Song chắn rác	0,8 x 0,6	-	0,8 x 0,6	-
2	Bể gom (kết hợp chắn rác)	4,5 x 2 x 3,18	28	3,5 x 2,0 x 4,55	31
3	Bể tách mỡ	4,8 x 1,8 x 3,4	29	3,5 x 1,5 x 3,4	17
4	Bể điều hòa	5,45 x 4,8 x 3,4	88	4,85 x 3,5 x 3,4	57
5	Cụm bể sinh học (thiếu khí- hiếu khí)				-
	Ngăn thiếu khí (Anoxic)	4,2 x 2,9 x 3,4	41	3,3 x 2,3 x 3,4	25
	Ngăn hiếu khí (Oxic)	5,2 x 4,2 x 3,4	74	4,8 x 3,3 x 3,4	53
	Bồn hóa chất sinh dưỡng	-	500 lít	-	500 lít
6	Bể lắng	3,05 x 3 x 3,4	31	3,05 x 3 x 3,4	31
7	Bể khử trùng	3,05 x 2 x 3,4	20	3,05 x 1,6 x 3,4	16
8	Bồn hóa chất khử trùng	-	500 lít	-	500 lít
9	Bể chứa bùn	3,05 x 2,9 x 3,4	30	3,05 x 2,3 x 3,4	23
10	Bể ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải (vật liệu composite)		20		15

d) Quy trình xử lý nước thải của trạm xử lý nước thải số 1 và số 2

(1) Nước thải từ các khu vực phát sinh được thu gom bằng mạng lưới thoát nước thải về bể thu gom kết hợp chắn rác sau đó bơm cưỡng bức lên bể tách dầu mỡ.

(2) Bể tách dầu mỡ tiếp nhận nước thải từ bể gom, tách dầu mỡ có trong nước thải, dầu mỡ nổi lên trên mặt nước và được hút định kỳ thải bỏ (tần suất 6 tháng/lần).

(3) Bể điều hòa sẽ điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải, đảm bảo cấp lưu lượng nước ổn định cho hệ xử lý sinh học phía sau; tại bể này không khí được hệ thống bơm chìm sục từ đáy bể lên để tăng cường oxy trong nước và ổn định

lưu lượng, nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải. Tiếp đó, nước thải được bơm lên bể thiếu khí.

(4) Bể thiếu khí, nước thải được xáo trộn nhờ hệ thống bơm chìm để tạo ra môi trường thiếu oxy cho vi sinh vật thiếu khí phát triển và phân hủy chất ô nhiễm trong nước thải. Ngoài ra, trong bể thiếu khí được lắp đặt thêm hệ thống giá thể vi sinh để vi sinh vật thiếu khí bám dính, phát triển. Sau đó, nước thải được bơm sang bể hiếu khí. Tại bể hiếu khí có lắp đặt giá thể MBBR (*là giá thể động có lớp màng Biofilm dính bám trên bề mặt*) để vi sinh vật hiếu khí bám dính và phát triển, sau khi qua bể hiếu khí, nước thải được chảy sang bể lắng để lắng cặn.

(5) Bể lắng, toàn bộ lượng bùn hoạt tính lắng xuống đáy bể và phần nước trong chảy sang bể chứa khử trùng.

(6) Bể khử trùng, hóa chất NaOCl được bơm cấp định lượng bằng bơm định lượng để khử trùng nước thải trước khi thải ra môi trường.

Nước thải sau xử lý được thải ra đường ống DN75 rồi thải ra nguồn tiếp nhận là sông Hồng; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được bơm về bể chứa bùn sau đó thuê đơn vị có năng lực để xử lý (*tần suất 6 tháng/lần*). Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B (*hệ số K=1*).

1.3. Biện pháp, công trình ứng phó sự cố

a) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thiết kế hệ thống với tính dự phòng cao để giảm thiểu rủi ro của các sự cố khẩn cấp và đảm bảo rằng hệ thống luôn hoạt động tối ưu.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường công thoát nước, tránh gây tắc nghẽn, ứ đọng.

- Định kỳ quan trắc chất lượng nước thải, khí thải sau hệ thống.

- Nâng cao trình độ quản lý kỹ thuật cho cán bộ môi trường về quá trình điều hành hệ thống xử lý chất thải, ứng phó kịp thời với các trường hợp quá tải.

- Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời không để nước thải chưa xử lý ra ngoài môi trường. Hệ thống tạm thời dừng hoạt động để khắc phục sự cố. Khi khắc phục sự cố, vận hành thử lại nếu ổn định tiếp tục hoạt động.

- Lập kế hoạch ứng phó khẩn cấp chi tiết và đào tạo nhân viên về các quy trình này để đảm bảo giải quyết các sự cố một cách nhanh chóng và hiệu quả.

- Thông báo cho dân cư khu vực biết, yêu cầu các hộ dân hạn chế tối đa việc sử dụng nước và xả nước thải để giảm áp lực cho hệ thống.

b) Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố

Hệ thống xử lý nước thải tại dự án được thiết kế luôn có phương án, thiết bị đề phòng sự cố môi trường như sau:

- Sự cố đối với thiết bị điện: Hệ thống được thiết kế với các bơm chìm, thiết bị điện đều thiết kế 1 chạy, 1 nghỉ để đề phòng sự cố.

- Dung tích chứa các bể lớn: Các bể được thiết kế đảm bảo khả năng quay vòng khi gặp sự cố, khi có sự cố nước thải sẽ được lưu lại tại các ngăn bể của hệ thống (*thời gian lưu nước tối đa 24h*). Khi xảy ra sự cố nước thải được bơm lại để chứa, không thải nước thải chưa được xử lý ra môi trường.

+ Tại vị trí trạm xử lý nước thải số 1 công suất 170 m³/ngày đêm: Đầu tư bể sự cố được làm bằng vật liệu composite dung tích 20 m³, khi sự cố chưa được khắc phục nước thải được bơm về bể sự cố này, đảm bảo thời gian lưu nước trong vòng 3 giờ.

+ Tại vị trí trạm xử lý nước thải số 2 công suất 110 m³/ngày đêm: Đầu tư bể sự cố được làm bằng vật liệu composite dung tích 15 m³, khi sự cố chưa được khắc phục nước thải được bơm về bể sự cố này, đảm bảo thời gian lưu nước trong vòng 3 giờ.

- Trường hợp sự cố xảy ra lâu hơn, tiên lượng các ngăn bể của hệ thống xử lý nước thải và bể sự cố không còn khả năng lưu trữ. Chủ đầu tư cam kết sẽ thuê đơn vị có năng lực đến hút nước thải để xử lý theo quy định, không thải ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian vận hành thử nghiệm từ 03 đến 06 tháng kể từ khi lấp đầy được 50% dân cư đến sinh sống.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

a) Vị trí lấy mẫu

- Nước thải sinh hoạt sau xử lý khu vực trạm xử lý nước thải số 1, trước khi thải ra môi trường (*Nguồn thải số 01*). Vị trí lấy mẫu (*theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104⁰ 45' múi chiếu 3⁰*): X=2419295; Y=493333.

- Nước thải sinh hoạt sau xử lý khu vực trạm xử lý nước thải số 2, trước khi thải ra môi trường (*Nguồn thải số 02*). Vị trí lấy mẫu (*theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104⁰ 45' múi chiếu 3⁰*): X=2419078; Y=493798.

b) Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép theo quy định tại QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, hệ số K = 1,0 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

c) Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Tối thiểu là 15 ngày/lần (*đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải*) trong ít nhất 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Giai đoạn vận hành ổn định: Quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày

liên tiếp sau giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, hệ số K = 1,0 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hoá chất,... vận hành tốt các công trình thu gom, xử lý nước thải của khu đô thị.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường được cấp thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

3.5. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 45 ngày, Chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Văn Yên theo quy định.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

PHỤ LỤC 02:**CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **374/GPMT-UBND** ngày **12** tháng 6 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)**1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải**

Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải ra vào khu vực dự án, phát sinh từ khu vực hệ thống xử lý nước thải, từ khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt... Thành phần chủ yếu là bụi, CO, SO₂, NO_x, VOC, H₂S, NH₃ ...

2. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải

- Thực hiện trồng cây xanh trên vỉa hè dọc theo các tuyến đường các tuyến đường trong khu vực dự án và bố trí công nhân vệ sinh thường xuyên quét dọn mặt các tuyến đường trong khu vực dự án để giảm thiểu bụi phát tán ra môi trường.

- Mùi, khí từ trạm xử lý nước thải: Tuân thủ các yêu cầu thiết kế; xây dựng trạm xử lý bảo đảm không ảnh hưởng môi trường xung quanh. Cụ thể, mùi khí phát sinh từ trạm xử lý nước thải được sử dụng quạt hút đưa khí ô nhiễm như: Sunfua (H₂S), Amoniac (NH₃)... từ các bể của trạm xử lý nước thải về tháp hấp phụ bằng than hoạt tính (kích thước: đường kính 0,82 m x cao 1,65 m) đặt tại nhà điều hành của trạm xử lý nước thải. Khí thải sẽ đi qua lớp vật liệu hấp phụ than hoạt tính, các chất ô nhiễm trong khí thải sẽ được hấp phụ vào trong các mao quản của vật liệu hấp phụ. Khí sạch được thải ra ngoài nóc của nhà điều hành nhờ quạt hút mùi.

- Thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt tối thiểu 01 lần/01 ngày nên đã giảm thiểu tối đa mùi phát sinh trong quá trình lưu giữ để không làm phát tán mùi, khí thải ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thực hiện nghiêm các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo QCVN 02:2019/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc chp phép bụi tại nơi làm việc; Quyết định số 3733:2002/BYT- của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

PHỤ LỤC 03:
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 974/GPMT-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của người dân khu vực dự án, khối lượng phát sinh là 1,5 tấn/ngày đêm.

- Chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu là bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, bóng đèn hỏng, dầu mỡ thải, in, ắc quy chì, linh kiện điện tử thải... với khối lượng trung bình khoảng 78 kg/ngày đêm, cụ thể như sau:

TT	Loại CTNH	Trạng thái tồn tại thông thường	Mã CTNH	Khối lượng (Kg/ngày đêm)
1	Pin, ắc quy	Rắn	16 01 12	20
2	Bóng đèn neon	Rắn	16 01 06	20
3	Dầu thải	Lỏng	17 02 03	10
4	Linh kiện điện tử hỏng	Rắn	16 01 10	25
5	Bùn thải	Bùn	12 06 05	3
Tổng				78

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại (CTNH)

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

a) Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng lưu chứa bằng nhựa composite có nắp đậy, dung tích 100 lít, gián nhãn, ghi mã theo từng loại CTNH.

b) Kho lưu chứa

- Kho lưu chứa 20 m² (kích thước: Dài x rộng x cao = 5 m x 4 m x 3,35 m) được đặt tại khu vực trạm xử lý nước thải số 02.

- Thiết kế, cấu tạo: Khung bằng sắt, quay tôn bao xung quanh, nền bê tông chống thấm, cốt nền được thiết kế cao hơn cốt nền sân, đường nội bộ bảo đảm ngăn nước mưa chảy tràn vào bên trong kho.

- Khi đi vào vận hành, Chủ dự án thực hiện thu gom và thuê đơn vị có đủ chức năng xử lý chất thải nguy hại để xử lý lượng chất thải này theo quy định Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Đối với khu vực nhà ở: Hằng ngày người dân sẽ thu gom và đem rác thải của hộ gia đình đến trạm trung chuyển của khu vực để đơn vị vệ sinh môi trường vận chuyển, xử lý. Yêu cầu các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tự thực hiện hút bùn bể tự hoại do mình quản lý.

- Đối với khu thương mại dịch vụ: Chủ dự án bố trí các thùng chứa rác cho từng khu vực để thu gom, phân loại rác tại nguồn. Hằng ngày, chất thải rắn được thu gom và chuyển đến trạm trung chuyển của khu vực để đơn vị vệ sinh môi trường vận chuyển, xử lý.

- Tại các nơi công cộng như khu vực công viên cây xanh, đường trục chính,...: Bố trí 30 thùng chứa chất thải rắn nhỏ loại 100 lít dọc theo các tuyến đường với khoảng cách giữa các thùng chứa là 100m/1 thùng để thu gom chất thải của khách bộ hành.

Chủ dự án bố trí 02 khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt đặt tại 02 vị trí phía Tây Bắc và phía Đông Nam dự án (gần trạm xử lý nước thải số 01 và số 02). Diện tích mỗi khu là 17 m² (kích thước: dài x rộng = 4,7 m x 3,7 m).

Chủ dự án đã hợp đồng với Đội vệ sinh môi trường huyện Văn Yên thực hiện việc thu gom và vận chuyển rác thải tại Hợp đồng nguyên tắc số 0103/2023/HĐNT/MAA/HEV-ĐTMT ngày 01/3/2023. Theo đó, lượng rác thải sinh hoạt phát sinh từ dự án sẽ được Đội vệ sinh môi trường huyện Văn Yên thu gom theo từng ngày, giờ quy định được các bên thống nhất.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp, chất thải sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Hoạt động tự xử lý chất chất thải: Không có hoạt động tự xử lý chất thải.

B. YÊU CẦU VỀ ỨNG PHÓ MÔI TRƯỜNG

1. Đầu tư và thực hiện các công trình, biện pháp ứng phó sự cố nước thải tại mục 1 phần B Phụ lục 01 và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường được cấp. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố môi trường khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

PHỤ LỤC 04:**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 974/GPMT-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

A. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Tiếp tục triển khai xây dựng các hạng mục, công trình theo quy định đã được phê duyệt tại Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án xây dựng khu đô thị mới - Quỹ đất dọc đường Hồng Hà, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái bao gồm:

- Xây dựng thô công trình trên diện tích đất thương mại dịch vụ 6.282,2 m², chiều cao 2 - 4 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng 8.363,3 m².

- Công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt (*Trạm xử lý nước thải số 03, công suất 70 m³/ngày đêm*).

- Một số yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Trong quá trình xây dựng các công trình trên diện tích đất thương mại dịch vụ: Đầu tư xây dựng hệ thống công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đối với các loại chất thải phát sinh như: Hệ thống thu gom, xử lý nước thải (*nước thải sinh hoạt của cán công nhân; nước thải thi công và nước mưa chảy tràn*); biện pháp thu gom và xử lý bụi khí thải (*bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đào đắp,...*); các hạng mục công trình xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường (*chất thải từ quá trình thi công xây dựng*); công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại;...

+ Sau khi hoàn thành việc thi công xây dựng và trước khi đi vào vận hành công trình bảo vệ môi trường của khu thương mại dịch vụ Chủ dự án phải thực hiện lập Báo cáo đề xuất cấp phép môi trường điều chỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái cấp Giấy phép theo quy định. Sau khi được cấp Giấy phép môi trường điều chỉnh, Chủ dự án phải thực hiện các nội dung theo yêu cầu tại Giấy phép môi trường điều chỉnh.

B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện các yêu cầu của cơ quan chức năng trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về môi trường đối với dự án.

4. Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra thực hiện kế hoạch quản lý môi trường, việc triển khai các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu.

5. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép được cấp có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.